CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 03/PHYCO/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC MỸ PHẨM PHYCO**

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0109812257

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Viên uống Kẽm ADA Gold

2. Thành phần:

- Bột tảo xoắn Spirulina (Spirulina platensis): 200 mg
- Chelamax Zinc Bisglycinate (Zn 28.2%): 40 mg
- Magie gluconate: 10 mg
- Canxi gluconate: 10mg
- Vitamin B1 (Thiamin mononitrat): 10 mg
- Vitamin B6 (Pyridoxine Hydrochloride): 5 mg
- Chất trơn chảy (Magie stearat (INS 470(iii)), Talc (INS 553(iii))); Chất độn (Tinh bột, Canxi cacbonat (INS 170)); Chất bảo quản (Metyl para-hydroxybenzoat (INS 218)).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 36 tháng kể từ ngày sản xuất
- Ngày sản xuất (NSX) và Hạn sử dụng (HSD) được in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

+ Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trong vỉ ALU/ALU, ALU/PVC, lọ thủy tinh, lọ nhựa HDPE/PE/PET/PVC, đựng trong bao bì hộp giấy đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

+ Quy cách đóng gói: Lọ: 20 viên, 30 viên, 40 viên, 50 viên, 60 viên, 80 viên, 90 viên, 100 viên, 120 viên. Hộp 2 lọ, 3 lọ, 4 lọ, 6 lọ.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ STP

- Địa chỉ:

Việt Nam.

- Giấy chứng nhận Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP): Số 840450, cấp ngày 26/06/2023, do Công ty TNHH Chứng nhận và Giám định LL-C Việt Nam cấp.

MA HO SO: 000.02.19.H26-260316-0049

Scanned with CamScanner

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn sản phẩm số **TCCS 03:2026/STP-PHYCO**

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

Đại diện tổ chức, cá nhân

M.S.D.N: 0109812257-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC MỸ PHẨM PHYCO
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hà Thị Ngoạn

MA HO SO: 000.02.19.H26-260316-0049

Scanned with CamScanner

MẪU NHÃN DỰ KIẾN

Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Viên uống Kẽm ADA Gold

Thành phần:

- Bột tảo xoắn Spirulina (Spirulina platensis): 200 mg
- Chelamax Zinc Bisglycinate (Zn 28.2%): 40 mg
- Magie gluconate: 10 mg
- Canxi gluconate: 10mg
- Vitamin B1 (Thiamin mononitrat): 10 mg
- Vitamin B6 (Pyridoxine Hydrochloride): 5 mg
- Chất trơn chảy (Magie stearat (INS 470(iii)), Talc (INS 553(iii))); Chất độn (Tinh bột, Canxi cacbonat (INS 170)); Chất bảo quản (Metyl para-hydroxybenzoat (INS 218)).

Đối tượng sử dụng: Trẻ em từ 12 tuổi trở lên và người lớn; người có nhu cầu bổ sung kẽm.

Hướng dẫn sử dụng: Uống 1 viên/lần, ngày 1 lần

Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, nhiệt độ không quá 30 độ C, tránh ánh nắng trực tiếp, để xa tầm tay trẻ em.

Cảnh báo: Thực phẩm này không phải là thuốc, không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh. Không sử dụng cho người mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm.

Quy cách đóng gói: Lọ: 20 viên, 30 viên, 40 viên, 50 viên, 60 viên, 80 viên, 90 viên, 100 viên, 120 viên. Hộp 2 lọ, 3 lọ, 4 lọ, 6 lọ.

NSX: Xem trên bao bì.

HSD: 36 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD xem trên bao bì.

Thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC MỸ PHẨM PHYCO

Địa chỉ:

Nhà sản xuất:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ STP

Địa chỉ:

Nam.

Thông tin dinh dưỡng:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Trong 100g
Năng lượng	kcal	277,07
Carbohydrate	g	53,86
Protein	g	15,25
Chất béo	g	0,07
Natri	mg	181,08

MA HO SO: 000.02.19.H26-260316-0049

Scanned with CamScanner

IRDOP

Viện nghiên cứu và phát triển Sản phẩm thiên nhiên
/ Institute for Research and Development of Organic Products
Phòng Phân tích - Kiểm nghiệm / Analysis and Testing Dept.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
/ Certificate of Analysis

Xuất bản / ref.: PPT25z301401-e61K5F4 Ngày / Date: 13/01/2026

Nơi / người gửi mẫu / Customer information

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC MỸ PHẨM PHYCO

Số 10 ngách 241/54, Phù Đổng 2, Xã Phù Đổng, TP Hà Nội, Việt Nam

Thông tin mẫu thử nghiệm / Sample information: SP25z3014-01

Tên mẫu thử / name.: **Thực phẩm bổ sung viên uống Kẽm ADA Gold**

Ngày tiếp nhận / receipt date.: 30/12/2025 **Thời gian lưu mẫu** / Storage time: Không có mẫu lưu

Ngày thử nghiệm / test date.: 30/12/2025 - 12/1/2026

Mô tả / desc.: Mẫu dạng viên, đóng trong lọ, trên lọ dán tên mẫu

- Xem kết quả ở trang tiếp theo / See the results on the following page -

Ghi chú / Note:

KPH: Không phát hiện / Not detected.
LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.
LOQ: Giới hạn định lượng / Limit of quantification.
IRDOP: Chỉ tiêu được thực hiện tại IRDOP / Parameters conducted by IRDOP.
EX: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Parameters conducted by subcontractors.
VS: Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 / Accredited per ISO/IEC 17025:2017.
TĐC: Chỉ tiêu được công nhận đánh giá sự phù hợp theo NĐ 107/2016/NĐ-CP / Accredited per Decree 107/2016/ND-CP.
Thông tin mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp / Sample information provided by the customer.
Kết quả chỉ có giá trị với mẫu thử / The results are only valid for the tested sample(s).

IRDOP

Viện nghiên cứu và phát triển Sản phẩm thiên nhiên
/ Institute for Research and Development of Organic Products
Phòng Phân tích - Kiểm nghiệm / Analysis and Testing Dept.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
/ Certificate of Analysis

Xuất bản / ref.: PPT25z301401-e61K5F4 Ngày / Date: 13/01/2026

STT / No.	Phép thử / Tests	Kết quả / Test result	Đơn vị / Unit	Phương pháp / Protocol	Phạm vi công nhận / Accreditation scope
1.	Chất béo toàn phần	0,07	g/100g	HDPP33-KN	IRDOP
2.	Chì (Pb)	KPH (LOD: 0,006)	mg/kg	TCVN 8126:2009	IRDOP
3.	Cadmi (Cd)	KPH (LOD: 0,0005)	mg/kg	TCVN 8126:2009	IRDOP
4.	Thủy ngân (Hg)	KPH (LOD: 0,004)	mg/kg	TCVN 7993:2009	IRDOP
5.	Asen (As)	KPH (LOD: 0,007)	mg/kg	TCVN 7770: 2007	IRDOP
6.	Natri (Na)	181,08	mg/100g	HDPP392-KN (Ref: SMEWW 3111B: 2017, TCVN 9556-2:2013, TCVN 10916: 2015, TCVN 1537:2007)	IRDOP
7.	Đường tổng số	21,02	g/100g	10 TCN 514:2002	IRDOP
8.	Năng lượng	277,07	kcal/100g	HDPP213-KN	IRDOP
9.	Carbohydrate	53,86	g/100g	10 TCN 514:2002	IRDOP
10.	Protein	15,25	g/100g	TCVN 8125:2015	IRDOP
11.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	KPH (LOD:10)	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	IRDOP
12.	Tổng số nấm men và nấm mốc	KPH (LOD:10)	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	IRDOP
13.	Coliforms	KPH (LOD:10)	CFU/g	TCVN 6848:2007	IRDOP
14.	Escherichia coli	KPH (LOD:10)	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	IRDOP

TRƯỞNG PHÒNG KIỂM NGHIỆM
PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG / Quality Assurance Manager

Trần Thị Lan

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG / Vice President

Nguyễn Bá Xuân Trường